TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-8-2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân và giá đình về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Hiếu Trung

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm 1969
Địa chỉ: Số 43, dãy A7, KDC khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Anh T, sinh năm 1968
Địa chỉ: Số 21, rạch Ngã Am, khóm B, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Phòng số 25, Nhà trọ Kim Tùng, ấp K, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh T tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 1991, đến ngày 30/6/1998 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quy Tây, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới về sống chung bên nhà cha mẹ anh T. Vợ chồng chung sống được khoảng 04 năm thì ra cất nhà riêng sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, không phụ tiếp tiền bạc cho chị H lo cho sinh hoạt gia đình. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị H khuyên anh T có sửa. Tuy nhiên, đến năm 2018, anh T lại tiếp tục qua lại với người phụ nữ khác, không quan tâm lo lắng cho gia đình và cũng không phụ tiếp kinh tế cùng chị H. Bỏ mặc chị và các con ở Phú Quốc làm ăn và về Sa Đéc sinh sống một mình. Nay chị H nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên N, sinh năm 1992, E sinh ngày 17/02/2009 và A, sinh ngày 10/12/2010 (hiện các con đang sống với chị Hà). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con A và E, chị Hà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung N đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa bị đơn anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời khai của chị H về thời gian chung sống, tìm hiểu, đám cưới và đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quen với người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng mối quan hệ chỉ dừng lại ở việc đi chơi, uống cà phê. Từ đó, chị H nghi ngờ ghen tuông, nên vợ chồng gây gỗ cự cãi. Khoảng năm 2018, vợ chồng, con các có ra Phú Quốc làm ăn, sinh sống. Tuy nhiên, do điều kiện công việc không phù hợp với sức khỏe nên anh T quay về Sa đéc làm ăn. Trong thời gian này, anh T cũng có gọi điện cho chị H, Hn gắn tình cảm nhưng chị H không đồng ý. Nay về tình cảm anh T vẫn còn thương vợ con, anh T không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng Hàn gắn, cùng chung sống nuôi dạy các con.

Về nuôi con chung: Anh thống nhất có 03 con chung tên N, sinh năm 1992, E sinh ngày 17/02/2009 và A, sinh ngày 10/12/2010 (hiện các con đang sống với chị H). Trương hợp ly hôn, anh T đồng ý để chị H nuôi dưỡng 02 con chung A và E, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 13/7/2020, cháu E và A trình bày: Khi cha mẹ ly hôn và không còn sống chung với nhau nữa, thì 02 cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Về việc chấp Hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về Hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân được 01 năm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T về việc nuôi con chung sau ly hôn, giao cho chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tên E sinh ngày 17/02/2009 và A, sinh ngày 10/12/2010, hiện 02 con đang sống với chị H. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T và hiện nay anh T có tạm trú tại Phòng số 25, nhà trọ Kim Tùng, ấp K, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống vợ chồng từ năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/1998 tại UBND xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung trong công việc và cuộc sống. Ngoài ra, anh T có quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng bị tổn thương, rạn nứt, không thể Hàn gắn. Về phía anh T cho rằng vẫn còn thương vợ, thương con, nhưng lại bỏ mặc chị H và các con sinh sống, bươn chải ở Phú Quốc. Trong thời gian từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng cũng đã sống ly thân, anh T có gọi điện thoại hòa giải, Hàn gắn tình cảm nhưng chị H không đồng ý Hàn gắn. Hơn nữa, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh T cũng không đến Tòa để hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị không thể Hàn gắn, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng. Nếu chị H và anh T trở về chung

sống cũng không có hạnh phúc. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất có 03 con chung tên N, sinh năm 1992 (đã trưởng thành), E sinh ngày 17/02/2009 và A, sinh ngày 10/12/2010 (hiện các con đang sống với chị H). Trường hợp ly hôn, anh T đồng ý để chị H được quyền nuôi 02 con tên E và A. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu E và A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung E và A. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con tên N, sinh năm 1992, đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Sa Đéc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho ly hôn giữa chị H và anh T.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T:

Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung E, sinh ngày 17/02/2009 và A, sinh ngày 10/12/2010. Hiện 02 con đang sống với chị H.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 02 con E và A, không ai được cản trở.

Đối với con tên N, sinh năm 1992, đã tHnh niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp ngày 09/6/2020 theo biên lai thu số 0001134 tại Chi cục Thi Hành án Dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án Dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hành án Dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT
- VKS ND TPSĐ
- THA Dân sự TPSĐ
- UBND xã Tân Quy Tây, TPSĐ
- Các đương sự
- Lưu h/s